BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88/2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 87/2019/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Chương I
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ PHÂN BỔ, GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước

1. Thực hiện cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP

ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ.

2. Năm 2020 thực hiện ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; đối với số bổ sung cân đối ngân sách (nếu có), ngân sách trung ương bổ sung tăng thêm 2% so với mức bổ sung cân đối ngân sách năm 2019 đã được Quốc hội quyết định; bổ sung cho ngân sách địa phương để thực hiện tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng được Thủ tướng Chính phủ giao cho từng địa phương tại Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019.

3. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương thực hiện theo đúng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã quyết định đối với năm ngân sách trong thời kỳ ổn định. Đối với năm 2020, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới so với năm 2019. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước.

Đồng thời, ngân sách cấp tỉnh bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới để thực hiện cải cách tiền lương theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

4. Thực hiện phân chia, sử dụng một số khoản thu đặc thù như sau:

a) Thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu: Năm 2020 tiếp tục ổn định tỷ lệ (%) thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu như đối với năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020. Theo đó: 37,2% số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu là khoản thu phân chia

giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; 62,8% số thu thuế bảo vệ môi trường điều tiết 100% số thu về ngân sách trung ương. Cơ quan thuế phối hợp với Kho bạc Nhà nước hướng dẫn người nộp thuế kê khai, nộp thuế đúng mục lục ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách đối với số thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu;

b) Tiếp tục thực hiện điều tiết ngân sách trung ương 100% số thu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xăng, dầu của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn;

c) Tiếp tục thực hiện điều tiết tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước như phân cấp quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp, thực hiện phân chia 70% số thu cho ngân sách trung ương, 30% số thu cho ngân sách địa phương; đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thực hiện phân chia 100% số thu cho ngân sách địa phương);

d) Thực hiện thu cân đối ngân sách nhà nước đối với toàn bộ phần lãi dầu, khí nước chủ nhà và lợi nhuận được chia từ Liên doanh dầu khí Việt - Nga (Vietsovpetro); nguồn lợi nhuận còn lại theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Bố trí chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước để đầu tư các dự án trọng điểm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, nhiệm vụ quốc phòng được cấp có thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng theo Nghị quyết số 87/2019/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2019 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2020.

đ) Tiếp tục thực hiện điều tiết 100% về ngân sách trung ương số thu từ xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng quản lý thị trường;

e) Nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô, phí bảo đảm hàng hải (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) tiếp tục nộp ngân sách trung ương sử dụng để duy tu, bảo trì đường bộ và đảm bảo an toàn hàng hải. Riêng nguồn thu và

sử dụng phí bảo đảm hàng hải luồng Soài Rạp được thực hiện theo Văn bản số 9634/VPCP-KTTH ngày 09 tháng 11 năm 2016 và Văn bản số 8436/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Tiếp tục thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ theo đúng Nghị quyết số 73/2018/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2019;

g) Tiếp tục thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu tiền sử dụng đất trong dự toán ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Các địa phương bố trí nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách cấp xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ;

h) Tiếp tục thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết trong dự toán ngân sách địa phương và sử dụng toàn bộ nguồn thu này cho chi đầu tư phát triển, trong đó các tỉnh miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên bố trí tối thiểu 60%, các tỉnh Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long bố trí tối thiểu 50% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế. Các địa phương bố trí tối thiểu 10% dự toán thu để bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Sau khi bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Trong tổ chức thực hiện, phát sinh tăng thu so với dự toán, địa phương chủ động phân bổ chi đầu tư thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, trong đó ưu tiên chi các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 2. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước

1. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách Thủ tướng Chính phủ giao. Ngoài việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật cho các đơn vị trực thuộc (nếu có).

2. Việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2019; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu thuế; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; tích cực đôn đốc thu hồi nợ thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, hạn chế nợ mới phát sinh, thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt và các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

3. Trong phạm vi số thu phí, số phí nộp ngân sách đã giao, các bộ, cơ quan trung ương chủ động quản lý, sử dụng cho các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; đồng thời căn cứ quy định tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý thu, nộp, sử dụng phí và thực tế sử dụng nguồn thu phí được để lại theo quy định, các bộ, cơ quan trung ương lập, tổng hợp dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại của các cơ quan, đơn vị trực thuộc gửi Bộ Tài chính kiểm tra cùng với phương án phân bổ ngân sách theo quy định để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển:

a) Căn cứ tổng mức vốn và cơ cấu vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2020, danh mục, mức vốn bố trí của từng chương trình, dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới trước ngày 31 tháng 12 năm 2019, gửi phương án phân bổ chi tiết về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ. Việc phân bổ, giao dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải tuân thủ đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;

b) Dự toán chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước bố trí cho các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 theo thứ tự ưu tiên đã được quy định trong Luật và Nghị quyết của Quốc hội có liên quan, ưu tiên thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước; bố trí vốn để hoàn thành dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn bảo đảm thời gian theo quy định; tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các chương trình, dự án quan trọng quốc gia, dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2020, vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, nếu còn nguồn mới xem xét bố trí cho dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật, trong đó ưu tiên dự án cấp bách về phòng chống, khắc phục lũ lụt, thiên tai, bảo vệ môi trường.

Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương được giao dự toán thu, chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn thu bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý tài sản công và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý tài sản công;

c) Ngoài việc thực hiện phân bổ, bố trí vốn và giao dự toán chi đầu tư phát triển như trên, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chú ý một số nội dung sau:

- Căn cứ dự toán chi đầu tư phát triển Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính giao, các địa phương bố trí dành nguồn tương ứng số bội thu ngân sách cấp tỉnh (nếu có) để trả nợ gốc các khoản vay của ngân sách địa phương đến hạn phải trả trong năm 2020 (kể cả nợ vay từ ngân hàng phát triển Việt Nam nếu có) và dành thêm nguồn để trả nợ lãi các khoản vay đến hạn trong năm 2020 (nếu dự toán chi trả nợ lãi đã được giao còn thiếu); phần còn lại mới phân bổ vốn cho các công trình, dự án, trong đó bố trí, cân đối đủ vốn cho các dự án, chương trình được ngân sách trung ương hỗ trợ một phần để thực hiện các mục tiêu theo quy định.

- Các khoản địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài đã tính trong tổng mức dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương năm 2020 Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính giao tổng số, danh mục chương trình, dự án vay. Căn cứ tổng mức vay vốn nước ngoài được giao và dự kiến khả năng giải ngân theo các thỏa thuận vay vốn đã ký kết, địa phương phân bổ và giao dự toán cho từng chương trình, dự án, đồng thời chỉ thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp các dự án đã được giao kế hoạch vốn giải ngân thấp hơn dự toán được giao, địa phương được phép phân bổ vốn vay cho dự án vay mới phát sinh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng chưa có trong danh mục dự án đã được cấp có thẩm quyền giao đầu năm nhưng phải đảm bảo tổng số vốn vay nước ngoài của tất cả các chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay được giao; đồng thời số vốn vay của từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ vào tiến độ giải ngân và khả năng vay, các địa phương được phép tăng hoặc giảm nguồn vốn vay trong nước và nguồn vốn vay nước ngoài về cho địa phương vay lại nhưng phải đảm bảo không vượt quá tổng mức dự toán vay được giao (trừ các địa phương có số dư nợ vay đã vượt quá hạn mức vay theo quy định của Luật ngân sách nhà nước).

- Việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (nếu có) đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, khả năng vay và giới hạn mức vay được giao.

- Bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư tái tạo rừng từ nguồn thu thuế tài nguyên đối với gỗ rừng tự nhiên phát sinh hàng năm theo quy định của pháp luật.

- Bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cho các dự án ODA do địa phương quản lý theo quy định.

- Bố trí dự toán chi bồi thường giải phóng mặt bằng tương ứng với số tiền nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên:

a) Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính hướng dẫn, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; phân bổ dự toán chi phải bảo đảm về thời gian theo quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Kinh phí đánh giá quy hoạch tiếp tục được bố trí dự toán kinh phí thường xuyên theo quy định của Luật Quy hoạch. Đồng thời, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương sử dụng nguồn vốn kinh phí thường xuyên (vốn sự nghiệp kinh tế) được cân đối trong kế hoạch hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và điều chỉnh quy hoạch theo quy định khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019.

Đồng thời, việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với tiến độ và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị

hành chính cấp huyện, cấp xã, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, điều chỉnh giá phí,... theo các quy định của Đảng và Nhà nước (như: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2019,...).

Ngoài các nội dung nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm tương ứng với số thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm được hưởng theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Bố trí kinh phí thực hiện: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và triển khai thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020; Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021".

- Bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

- Đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ: Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng Chính phủ đã giao, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ kết thúc năm 2020, nhiệm vụ chuyển tiếp, đảm bảo phù hợp với tiến độ, khả năng giải ngân kinh phí, phần kinh phí còn lại mới phân bổ cho các nhiệm vụ mới năm 2020. Việc phân bổ chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ dự toán Bộ Tài chính hướng dẫn, chế độ chính sách, khối lượng nhiệm vụ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi đã đảm bảo các nhiệm vụ chi sự nghiệp theo quy định, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các nhiệm vụ có tính chất đầu tư đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

b) Căn cứ dự toán chi ngân sách được giao năm 2020, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Bố trí ngân sách triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo Thông báo số 70/TB-VPCP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

- Bố trí ngân sách thực hiện công tác trợ giúp đối với người cao tuổi, người khuyết tật. Đảm bảo bố trí ngân sách để thực hiện các hoạt động, các chương trình, đề án về thực hiện quyền trẻ em đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí ngân sách địa phương cho công tác dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương tương ứng 70% số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông phần ngân sách trung ương được hưởng phát sinh trên địa bàn từng địa phương trên cơ sở số thu năm 2018. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, ưu tiên cho lực lượng công an, thanh tra giao thông vận tải và xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương tương ứng 35% số thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô. Các địa phương chủ động sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương từ nguồn thu phí này, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ thuộc trách nhiệm của địa phương theo phân cấp.

- Chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương và nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có) thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp theo quy định tại Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ, địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính theo Quyết định số 874/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách, chế độ Trung ương ban hành đến thời điểm giao dự toán ngân sách năm 2020. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020: đối với các địa phương có nguồn cải cách tiền lương dự kiến hết năm 2020 còn dư (sau khi đã dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 theo chế độ quy định), thực hiện phân bổ, giao kinh phí chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành từ nguồn này, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), nguồn ngân sách địa phương phải đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017

của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành giai đoạn 2017 - 2020. Kết thúc năm 2020, địa phương có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong đó chi tiết kết quả đối với từng chính sách, chế độ an sinh xã hội. Căn cứ kết quả thực hiện của các địa phương, Bộ Tài chính sẽ tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong quá trình điều hành ngân sách năm 2020.

- Bố trí giao dự toán chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan nhà nước của địa phương được giao nhiệm vụ thu lệ phí. Trường hợp tổ chức thu phí áp dụng cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước thì được để lại tiền phí thu theo quy định để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

- Bố trí nguồn ngân sách địa phương để thực hiện kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; phân bổ kinh phí thực hiện Luật Công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Bố trí nguồn ngân sách địa phương cùng với huy động các nguồn lực hợp pháp khác nhằm triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025; kinh phí quản lý đất đai, hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04 tháng 4

năm 2013 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí kinh phí đảm bảo tổ chức đại hội Đảng các cấp ở địa phương tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng theo Quy định số 3989-QĐ/VPTW ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Bố trí nguồn ngân sách địa phương để chi trả chế độ đối với giáo viên mầm non được Bộ Nội vụ giao bổ sung biên chế theo đúng hướng dẫn tại Văn bản số 9028-CV/VPTW ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Bố trí nguồn ngân sách địa phương để chi trả tiền thưởng kèm theo huy hiệu Đảng (trong đó có huy hiệu 45 năm tuổi Đảng).

3. Phân bổ, giao dự toán chi dự trữ quốc gia:

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia, Bộ trưởng Bộ Tài chính phân bổ và giao dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia, đảm bảo khớp đúng với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trên cơ sở đó, Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia cho các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc, đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao và chi tiết theo từng danh mục mặt hàng được phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Tài chính (Tổng Cục Dự trữ Nhà nước) để kiểm tra, theo dõi. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ của Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia điều chỉnh lại đối với trường hợp phân bổ không đúng danh mục, không đúng tổng mức, không đúng chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật đã quy định và không đúng chi tiết theo từng nội dung chi về dự trữ quốc gia đã được giao.

4. Phân bổ, giao dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc

gia giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và trên cơ sở dự toán chi thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu và một số nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ đã giao; các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo đúng mục tiêu, quy định của pháp luật đối với từng chương trình, dự án và từng nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao;

b) Căn cứ vào tình hình thực tế, quyết định việc tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương đảm bảo vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định; đồng thời huy động hợp lý các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu;

c) Ngoài các quy định tại điểm a, b khoản này, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện phân bổ giao dự toán chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo nội dung, dự án thành phần thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị trực thuộc phù hợp với nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án và theo quy định hiện hành. Đồng thời, bố trí dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Phân bổ và giao dự toán chi từ nguồn vốn vay, viện trợ của nước ngoài:

a) Các bộ, cơ quan trung ương phân bổ chi tiết cho từng đơn vị sử dụng, chi tiết theo từng chương trình, dự án (Tên dự án, nhà tài trợ, loại nguồn vốn vay/vốn viện trợ, cơ chế tài chính, chi thường xuyên/chi đầu tư) và đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán và từng lĩnh vực chi đã được Thủ tướng Chính phủ giao;

b) Các địa phương phân bổ chi tiết cho từng đơn vị sử dụng, chi tiết theo từng chương trình, dự án (Tên dự án, nhà tài trợ, loại nguồn vốn vay/vốn viện trợ, cơ

chế tài chính, chi thường xuyên/chi đầu tư) và đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán chi đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

6. Vay và trả nợ gốc các khoản vay của ngân sách địa phương cấp tỉnh:

a) Các địa phương chỉ được phép vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc trong hạn mức Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao. Đối với các địa phương dự toán có vay để trả nợ gốc, sau khi đã bố trí chi trả nợ gốc theo quy định tại điểm c khoản này, địa phương được phép vay trong hạn mức vay đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao (không phân biệt vay trả nợ gốc hay vay bù đắp bội chi), đồng thời việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư từ khoản vay này phù hợp với tiến độ và mức vay cho phép;

b) Bố trí từ nguồn bội thu; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách để trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ gốc đến hạn.

Đối với các địa phương có bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách để trả nợ gốc, nhưng thực tế không có nguồn hoặc không bố trí đủ thì phải bố trí giảm nguồn vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương (tăng mức bội thu) để trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn;

c) Đối với các địa phương có dự toán vay để trả nợ gốc: Để bảo đảm chủ động nguồn trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn, khi phân bổ vốn chi đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để bố trí chi trả nợ gốc đến hạn và bù lại nguồn cho chi đầu tư phát triển khi thực tế thực hiện được khoản vay theo kế hoạch; chỉ giải ngân thanh toán số vốn đầu tư này sau khi đã thực hiện được khoản vay. Trường hợp không vay được theo kế hoạch hoặc chỉ vay được một phần theo kế hoạch, thì phải bố trí giảm nguồn vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương (tăng mức bội thu tương ứng) để trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn.

7. Bố trí dự phòng ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để chủ động sử dụng cho các nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật ngân sách nhà nước.

8. Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng cao hơn mức cấp trên giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết), sau khi dành 70% số tăng thu

thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại cần ưu tiên bổ sung dự phòng ngân sách địa phương để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách, nguồn còn lại khả năng thực hiện đạt được dự toán thu mới phân bổ để chi cho đầu tư và những nhiệm vụ, chế độ, chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định theo chế độ quy định.

9. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương giao kế hoạch vốn đầu tư chi tiết cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

Đơn vị dự toán cấp I lập phương án phân bổ chi thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi chương trình mục tiêu giao cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, chi tiết đến Loại, Khoản và mã dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

10. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

11. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2020, phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi

ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

Đối với một số cơ sở giáo dục đại học công lập được cấp có thẩm quyền quyết định tiếp tục cho thực hiện cơ chế thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động quy định tại Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện theo quy định tại quyết định của cấp có thẩm quyền.

12. Ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán hướng dẫn tại Thông tư này, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương còn phải thực hiện đúng quy định liên quan khác của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước.

Điều 4. Thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện chế độ tiền lương, trợ cấp trong năm 2020

1. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, phấn đấu tăng các nguồn thu theo quy định để dành nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở lên mức 1,6 triệu đồng/tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2. Các bộ, cơ quan trung ương khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho ngân sách cấp dưới phải xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2020 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương, đảm bảo không thấp hơn mức Bộ Tài chính giao.

Ủy ban nhân dân các cấp khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc không bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên nêu tại khoản này (không kể các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên;

đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định) để thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2020.

3. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 của các địa phương bao gồm:

a) 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2019 thực hiện so với dự toán (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; không kể tăng thu các khoản sau: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) được Thủ tướng Chính phủ giao;

b) 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017 được Thủ tướng Chính phủ giao;

c) 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ giao;

d) 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà

thuộc sở hữu nhà nước) dự toán năm 2020 so với dự toán năm 2019 được Thủ tướng Chính phủ giao;

đ) 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 chưa sử dụng hết chuyển sang;

g) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2017 đã được cấp có thẩm quyền giao;

h) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) tăng thêm năm 2020 so với năm 2017 theo Quyết định giao dự toán năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

i) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2020. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020.

4. Ngân sách trung ương hỗ trợ nhu cầu điều chỉnh tiền lương tăng thêm cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương ngân sách khó khăn sau khi đã cân đối nguồn điều chỉnh tiền lương mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định.

Sau khi cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương nêu tại khoản 3 Điều này, các địa phương chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện các chính sách, chế độ an sinh xã hội do trung ương ban hành. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương phần nhu cầu kinh phí còn thiếu theo quy định.

Các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương, trường hợp xác định bảo đảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả lộ trình đến năm 2025, không đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ, thì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sử dụng nguồn làm lương còn dư để đầu tư các dự án đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thời gian phân bổ, giao dự toán và nhập dự toán vào hệ thống Tabmis

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, các bộ, cơ quan trung ương quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đến từng đơn vị sử dụng ngân sách; Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương, quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình đảm bảo thời gian giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 đến từng đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy trình, yêu cầu và thời hạn quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật ngân sách nhà nước; tổ chức việc công khai dự toán ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước và hướng dẫn tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách địa phương về Bộ Tài chính chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách; báo cáo dư nợ vốn huy động đến 31 tháng 12 năm 2019 và phương án vay, trả nợ năm 2020 của ngân sách địa phương về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm 2020; báo cáo thu, chi và số dư Quỹ dự trữ tài chính theo quy định riêng của Bộ Tài chính.

3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao, đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương và các cấp ngân sách địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện theo đúng quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật ngân sách nhà nước, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, trường hợp các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cùng cấp cho phép thực hiện, căn cứ quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật và tình hình thực tế ở địa phương thực hiện một trong hai phương án như sau:

a) Sau khi Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và dự kiến nhiệm vụ giao cho các đơn vị để thực hiện giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời, trong quyết định giao dự toán ghi rõ các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện và chỉ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh trường hợp có đơn vị thừa, đơn vị thiếu kinh phí, thì đơn vị dự toán cấp I thực hiện việc điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

b) Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.

4. Việc nhập dự toán vào hệ thống Tabmis được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis.

Chương II
TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Tổ chức quản lý thu ngân sách nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật ngân sách nhà nước. Đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế có hiệu lực thi hành;

b) Thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 theo các Nghị quyết của Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025 theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh.

2. Tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng ngành thuế quản lý theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019. Xây dựng các văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo công khai minh bạch, đúng đối tượng, thẩm quyền và hồ sơ, thủ tục theo quy định.

3. Cơ quan Thuế, Hải quan tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế; giảm tỷ lệ nợ thuế; mở rộng triển khai hóa đơn điện tử. Tăng cường quản lý thu, mở rộng cơ sở thuế, cải cách, hiện đại hóa ngành thuế. Đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật, điều hành hoàn thuế giá trị gia tăng trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao năm 2020; đồng thời tạo điều kiện cho người nộp thuế; thực hiện kiểm tra trước và sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật và mức độ rủi ro; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước.

Thực hiện rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế; các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013, cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước.

Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Tổ chức việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

5. Các địa phương không hạch toán các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí vào ngân sách nhà nước. Khẩn trương thực hiện việc khoán chi phí hoạt động hoặc xác định khoản trích lại của các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu. Chỉ thực hiện nộp ngân sách đối với khoản phí, lệ phí còn lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6084/BTC-NSNN ngày 25 tháng 5 năm 2018.

6. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh việc nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định chưa bố trí nhiệm vụ chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tương ứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất để làm cơ sở hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Trong đó lưu ý:

1. Đối với nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi:

a) Đối với vốn cấp phát từ ngân sách trung ương: Trường hợp trong năm phát sinh khoản vay mới, hoặc có nhu cầu giải ngân vượt dự toán giao, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển) và Bộ Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

b) Đối với vốn Chính phủ vay về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại, thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán tổng mức vay và bội chi ngân sách của địa phương đã được Quốc hội quyết định.

2. Đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại:

a) Căn cứ dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao chi tiết theo danh mục và mức vốn cụ thể cho từng chương trình, dự án trong tổng mức được giao theo các quyết định tiếp nhận và văn kiện viện trợ đã ký kết;

b) Trường hợp trong điều hành phát sinh vượt tổng mức dự toán Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao hoặc phát sinh mới: Giao

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với các khoản vốn viện trợ không hoàn lại cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển) và Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với các khoản vốn viện trợ không hoàn lại hỗ trợ trực tiếp ngân sách nhà nước, hỗ trợ vốn cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên, hỗ trợ phi dự án) chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan, căn cứ vào các thỏa thuận viện trợ đã ký giữa Nhà nước, Chính phủ và các cơ quan nhà nước Việt Nam với các nhà tài trợ, báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ sung dự toán năm 2020 nguồn vốn viện trợ này; trên cơ sở đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thông báo cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính chủ động bố trí vốn ngay từ đầu năm cho các dự án, công trình quan trọng theo chế độ quy định, nhất là các dự án xây dựng tu bổ các công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, khắc phục hậu quả lũ lụt, dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở nguy hiểm và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2020 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

5. Dự toán chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia năm 2020 Bộ Tài chính giao cho các bộ, cơ quan trung ương, thông báo rõ các khoản chi bằng ngoại tệ. Đối với kinh phí tương đương từ 500.000 USD/năm trở lên thì được đảm bảo chi bằng ngoại tệ theo dự toán đã giao và phù hợp với tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Quá trình thực hiện Kho bạc Nhà nước vẫn kiểm soát theo dự toán chi bằng nội tệ đã giao cho đơn vị. Trường hợp do biến động tăng tỷ giá, dẫn đến dự toán chi bằng nội tệ đã hết nhưng dự toán chi bằng ngoại tệ vẫn còn, thì các bộ, cơ quan trung ương có văn bản đề nghị Bộ Tài chính xem xét xử lý bổ sung dự toán chi bằng nội tệ tương ứng phần chênh lệch. Đối với số kinh phí tương đương nhỏ hơn 500.000 USD/năm, thì các bộ, cơ quan trung ương được rút dự toán bằng ngoại tệ

theo tỷ giá hạch toán tại thời điểm giao dịch, nhưng không vượt quá dự toán giao bằng nội tệ.

6. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nếu có nhu cầu chi các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật ngân sách nhà nước.

7. Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các địa phương cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

8. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, các trường hợp ứng thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chống lãng phí, giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm.

Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm xây dựng nền hành chính quốc gia hiện đại, kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới

tăng thêm trong năm 2020, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Trường hợp phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện thanh toán, chi trả không đúng chính sách, chế độ, nhất là liên quan đến mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo,... cần có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ được thực hiện đúng và có hiệu quả.

Căn cứ kết quả thực hiện từng chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành, các địa phương tổng hợp toàn bộ nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện các chính sách (bao gồm hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Luật Thủy lợi) và bố trí nguồn thực hiện như sau:

a) Nhu cầu kinh phí tăng thêm, ngân sách trung ương phải bổ sung năm 2020, gồm:

- Đối với những chính sách an sinh xã hội đã được quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tại từng văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành (trong đó có chính sách chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính): Tổng hợp nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm, nhu cầu kinh phí tăng thêm, trong đó xác định rõ phần ngân sách trung ương phải bổ sung cho ngân sách địa phương đối với phần kinh phí tăng thêm theo tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương của từng chính sách.

- Đối với các chính sách an sinh xã hội còn lại: Tổng hợp nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm, nhu cầu kinh phí tăng thêm, trong đó xác định rõ phần ngân sách trung ương phải bổ sung cho ngân sách địa phương đối với phần kinh phí tăng thêm theo tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020;

b) Trường hợp các địa phương có nguồn cải cách tiền lương còn dư (sau khi đã đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương trong năm) thực hiện giảm trừ tương ứng phần kinh phí ngân sách trung ương phải hỗ trợ nêu tại điểm a khoản này;

c) Ngân sách trung ương bổ sung phần chênh lệch thiếu cho từng địa phương sau khi đã cân đối nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại điểm a, b khoản này.

9. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 09 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021. Đối với các địa phương, sử dụng phần kinh phí ngân sách nhà nước giảm chi do thực hiện các Nghị quyết này theo hướng:

a) 50% bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở trong từng lĩnh vực hành chính và các lĩnh vực có đơn vị sự nghiệp;

b) 50% còn lại thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng. Việc quyết định chi cho từng nội dung do các địa phương quyết định theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật ngân sách nhà nước.

Kết thúc năm, chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 năm 2021, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện phần giảm chi ngân sách nhà nước chi tiết theo các phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05 và 06 đính kèm Thông tư này.

10. Các địa phương tiếp tục sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn để chi trả thay phần ngân sách

trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội, phần còn lại (nếu có) tổng hợp nguồn để chi trả thay phần ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh xã hội khác trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 8292/BTC-NSNN ngày 12 tháng 7 năm 2018.

11. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

12. Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán chi phí đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

13. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 8. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí

1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách:

Căn cứ dự toán ngân sách năm được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán ngân sách để chi theo chế độ quy định và đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

a) Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chi trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương; Kho bạc Nhà nước phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng

Chính phủ, Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020;

b) Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật;

c) Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi có tính chất không thường xuyên khác: thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện đối với các khoản chi có hợp đồng và thực hiện thanh toán theo chế độ quy định đối với các khoản chi không có hợp đồng; đảm bảo việc chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

3. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện cấp bằng hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ chi theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính. Đối với các cơ quan Đảng, lĩnh vực an ninh quốc phòng, việc cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền được thực hiện theo các văn bản riêng.

4. Trường hợp ngân sách địa phương đã được ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2020, Bộ Tài chính thông báo cho Kho bạc Nhà nước trừ số ứng trước vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại thực hiện rút dự toán theo quy định đối với các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Số đã ứng trước cho ngân sách địa phương được thu hồi như sau:

a) Đối với số ứng trước theo hình thức lệnh chi tiền thì việc thu hồi số ứng trước cũng được thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền từ ngân sách trung ương;

b) Đối với số ứng trước theo hình thức rút dự toán thì Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện điều chỉnh hạch toán từ ứng trước sang thực chi ngân sách trung ương và thực thu ngân sách địa phương cấp bổ sung từ ngân sách trung ương.

5. Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

6. Đối với số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

a) Mức rút dự toán và mẫu biểu rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

b) Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách (bao gồm cả việc ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) được thực hiện như sau:

- Thời gian phân bổ và giao dự toán được bổ sung phải hoàn thành chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán) theo đúng quy định tại tiết b khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác: căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung ngoài dự toán cho ngân sách địa phương. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- Đối với khoản ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương: Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán ứng trước tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Sở Tài chính lập giấy rút dự toán ứng trước dự toán năm sau theo quy định.

- Đối với các khoản ngân sách trung ương ứng trước cho ngân sách địa phương, khi rút dự toán các khoản ứng trước thực hiện hạch toán tạm thu, tạm chi và thực hiện thu hồi theo quy định (hạch toán điều chỉnh sang thực thu, thực chi trong trường hợp chuyển thành số bổ sung cho ngân sách địa phương hoặc giảm

tạm thu ngân sách địa phương, giảm tạm chi của ngân sách trung ương trong trường hợp phải hoàn trả cho ngân sách trung ương);

c) Trường hợp số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật, các địa phương kịp thời hoàn trả ngân sách trung ương theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Thời hạn hoàn trả trong phạm vi 30 ngày kể từ khi địa phương xác định kinh phí còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật.

7. Đối với số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương:

a) Mức rút số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

b) Mức rút số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm): Được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

c) Hạch toán các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương thực hiện như quy định đối với các khoản bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

8. Việc rà soát, đối chiếu số liệu rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Định kỳ hàng quý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách theo phụ lục số 07 đính kèm Thông tư này. Trường hợp địa phương không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo không đúng

và đầy đủ theo quy định, Bộ Tài chính sẽ tạm dừng cấp kinh phí bổ sung cho địa phương cho đến khi địa phương có báo cáo đầy đủ.

9. Về chi trả nợ của ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Thực hiện điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

1. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ phát sinh, chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán), đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại.

3. Trường hợp các Bộ, cơ quan trung ương điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí không thường xuyên sang kinh phí thường xuyên, kinh phí chi bằng nội tệ sang chi bằng ngoại tệ, điều chỉnh tăng hoặc giảm dự toán của nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao nhưng đã được ghi chú kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, đơn vị cần phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp để đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện được các nhiệm vụ được giao trước khi ban hành quyết định điều chỉnh dự toán. Thời hạn đơn vị gửi cơ quan tài chính đề nghị điều chỉnh dự toán chậm nhất trước ngày 30 tháng 10 năm hiện hành.

4. Trường hợp điều chỉnh dự toán giữa các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

5. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và điều chỉnh trên hệ thống tabmis theo quy định.

6. Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công.

Điều 10. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau

Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Điều 11. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Ngoài việc thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư này, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Đồng thời xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Điều 12. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính kiểm tra việc thiết lập và vận hành chuyên mục "Công khai ngân sách" trên Cổng/Trang Thông tin điện tử theo quy định tại Công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính; đồng thời thực hiện đăng tải nội dung công khai đầy đủ, kịp thời theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân dân cư.

6. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và áp dụng đối với năm ngân sách 2020.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định tại Thông tư này để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc và chính quyền địa phương cấp dưới tổ chức thực hiện. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

UBND tỉnh, thành phố..... **Phụ lục số 01**

BÁO CÁO VỀ NHU CẦU NSNN BỐ TRÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/BTC-NSNN ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính)

Tổng số (1+2)				1. Khối hành chính, Đảng, đoàn thể, xã, phường				Trong đó														2. Khối đơn vị sự nghiệp công lập				Chi tiết: (*)							
								Quản lý nhà nước				Khối Đảng				Đoàn thể				Khối xã, phường								Lĩnh vực giáo dục - Đào tạo		Lĩnh vực y tế		Lĩnh vực khoa học công nghệ		Lĩnh vực …	
Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN bố trí thực hiện TGBC	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*

Ghi chú: (*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện).

UBND tỉnh, thành phố…… **Phụ lục số 02**

SỐ LIỆU GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN SẮP XẾP BỘ MÁY VÀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ KHỐI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW, 18-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/BTC-NSNN ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính)

Tổng kinh phí giảm	**1. Khối hành chính, Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**				**Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi**	**Gồm:**		
	Số lượng đơn vị tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do sắp xếp ĐVHC so với năm trước	Số lượng biên chế tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do giảm biên chế so với năm trước		Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
1=3+5	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*

Ghi chú: (Cột 3) Kinh phí thực tế địa phương giảm chi NSNN do sắp xếp đơn vị hành chính.

(Cột 5) Gồm: (i) Giảm chi tiền lương (số lượng biên chế giảm x với hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp x thời gian thực tế tinh giản); (ii) giảm chi hoạt động (số lượng biên chế giảm x với định mức hoạt động/biên chế x thời gian thực tế tinh giản).

UBND tỉnh, thành phố…… **Phụ lục số 03**

SỐ LIỆU VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH, TĂNG NGUỒN THU SỰ NGHIỆP, GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ NÂNG MỨC ĐỘ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW, 19-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/BTC-NSNN ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính)

STT	Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập	Giảm chi do tinh giản biên chế và nâng mức độ tự chủ			*Trong đó theo các lĩnh vực (*):*												Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi (triệu đồng)	Gồm:		
					1. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo			2. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			3. Lĩnh vực Y tế			4. Lĩnh vực ...				Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
		Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)				
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=17+18+19*	*17*	*18*	*19*
1	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư																			
2	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên																			
4	Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																			

Ghi chú: Số giảm chi NSNN cấp so với năm trước = Kinh phí NSNN cấp năm hiện hành trừ đi (-) Kinh phí NSNN cấp năm trước - Kinh phí tăng lương cơ sở (nếu có)

(*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

UBND tỉnh, thành phố……

Phụ lục số 04

SỐ LIỆU GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN SẮP XẾP BỘ MÁY CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/BTC-NSNN ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính)

STT	Lĩnh vực sự nghiệp công lập (*)	Giảm chi do thay đổi sắp xếp bộ máy			*Trong đó:*									Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi (triệu đồng)	*Gồm:*		
					Số đơn vị sáp nhập			Số đơn vị giải thể			Số đơn vị chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp				Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
		Tổng số đơn vị thay đổi sắp xếp bộ máy	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)				
A	*B*	*1=4+7+10*	*2=5+8+11*	*3=6+9+12*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=14+15+16*	*14*	*15*	*16*
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																
3	Lĩnh vực y tế																
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và DL																
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																

8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																

Ghi chú: (1) Đối với ĐVSNCL sáp nhập: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNCL sau khi sáp nhập trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho các ĐVSNCL trước khi sáp nhập

(2) Đối với ĐVSNCL chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNCL trước khi chuyển đổi mô hình trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho công ty sau khi chuyển đổi.

(3) Đối với ĐVSNCL giải thể: Số giảm chi NSNN = số kinh phí NSNN đã cấp trước khi giải thể

(*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện).

UBND tỉnh, thành phố……

Phụ lục số 05

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/BTC-NSNN ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Tình hình giao tự chủ cho các đơn vị									Biên chế (người)			Kinh phí											Kết quả về thu nhập tăng thêm											
Cơ quan cấp tỉnh			Cơ quan cấp huyện			Cơ quan cấp xã							Kinh phí tự chủ						Chi kinh phí tiết kiệm				Số đơn vị có hệ số thu nhập						Cấp tỉnh, TP			Cấp quận, huyện		
Số lượng sở, ban, ngành cấp tỉnh	Số đơn vị giao tự chủ	Số đơn vị đã XD Quy chế chi tiêu nội bộ	Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện	Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ	Số đơn vị đã XD Quy chế chi tiêu nội bộ	Số lượng xã	Số xã được giao thực hiện tự chủ	Số đơn vị đã XD Quy chế chi tiêu nội bộ	Được giao	Có mặt	CL (biên chế được giao-bc có mặt)	Tổng kinh phí QLHC năm 2018	Kinh phí được giao	Kinh phí thực hiện	Số KP tiết kiệm	% tiết kiệm so với KP được giao tự chủ	Kinh phí không tự chủ	Số đv TK KP trên tổng số đơn vị tự chủ	Tổng số	Chi thu nhập tăng thêm	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn	Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập	Không chi TNTT	Dưới 0,1 lần	Từ 0,1 đến dưới 0,2 lần	Từ 0,2 đến dưới 0,3 lần	Từ 0,3 đến dưới 0,4 lần	Từ 0,4 lần trở lên	Mức TNTT bình quân/ tháng	Mức TNTT cao nhất	Mức TN TT thấp nhất	Mức TNTT bình quân/ tháng	Mức TNTT cao nhất	Mức TN TT thấp nhất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=10-11	13=14+18	14	15	16=14-15	17=16/14	18	19	20=21+22+23	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35

UBND tỉnh, thành phố…… **Phụ lục số 06**

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/BTC-NSNN ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính)

STT	Lĩnh vực sự nghiệp (*)	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Trong đó	Số lượng lao động			Nguồn tài chính (triệu đồng)								Huy động vốn (triệu đồng)					Tổng kinh phí chi trả Thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	Trích lập các Quỹ (triệu đồng)				
			Số lượng ĐVSN được giao tự chủ theo NĐ 43	Tổng số người lao động	Trong đó số biên chế được giao	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ (triệu đồng)	Tổng cộng	Tổng số	Nguồn thu sự nghiệp		Nguồn NSNN cấp chi hoạt động sự nghiệp				Tổng số	Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Vốn liên kết với các đơn vị khác		Tổng cộng	Quỹ phát triển sự nghiệp	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác (nếu có)
									Nguồn thu phí, lệ phí	Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp khác	Tổng số	Chi thường xuyên		Chi không thường xuyên											
												Tổng	*Trong đó: Chi lương*												
A	B	1	1a	2	3	4	5 = 6+9	6 = 7+8	7	8	9 = 10+12	10	11	12	13 = 14+15+16+17	14	15	16	17	18	19 = 20+21+22+23	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																								
I	**Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								

II	**Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								
8	Việc hợp nhất các cơ sở đạo tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
...	Lĩnh vực...																								
IV	**Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
…	Lĩnh vực...																								

*** Lưu ý:** (*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao, (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương.

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

PHỤ LỤC SỐ 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ RÚT DỰ TOÁN BỔ SUNG TỪ NSTW CHO NSĐP QUÝ…… NĂM 2020 TỈNH (TP)……

(ĐẾN NGÀY / /2020)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2019)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Nội dung	DT giao đầu năm (hoặc số thông báo rút dự toán)	Số đã rút dự toán tại KBNN quý	Số rút lũy kế.... tại KBNN	Số chưa rút dự toán	Tỷ lệ số rút/ dự toán được giao	Công văn của Bộ Tài chính
A		B	1	2	3	4=1-2	5=3/1	6
		TỔNG SỐ: (I + II)						
I		**BỔ SUNG CÂN ĐỐI**						
II		**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU: (A + B)**						
A		**Bổ sung có mục tiêu (dự toán giao đầu năm)**						
		- Bổ sung có mục tiêu được rút tại KBNN						
		- Bổ sung có mục tiêu thực hiện GTGC vốn ngoài nước						-
B		**Bổ sung có mục tiêu (bổ sung trong năm): (a + b)**						
a		**Bổ sung vốn đầu tư**						
b		**Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước**						
1		*Kinh phí thực hiện nhiệm vụ A*						
2		*Kinh phí thực hiện nhiệm vụ B*						
3		*...*						

…… Ngày…… tháng... năm……
GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC
(Ký tên, đóng dấu)

..... Ngày... tháng... năm……
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng